

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 72/2018/HS-ST

Ngày: 16-3- 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường

Ông Nguyễn Xuân Huân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:127/2018/TLST-HS, ngày 01 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn D, Sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Khu M, phường Tr, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1957; Có vợ là Nguyễn Thị M, có 03 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 25/8/2004 bị Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Ngày 17/5/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 21/11/2017 đến ngày 24/11/2017 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

Bị hại: Ông Lê Trí Ch, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu L, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực HN.

Địa chỉ: Lô Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Tr, Chức vụ Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Lô Đ, phường B, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Doãn Đ, sinh năm 1981

Chỗ ở hiện nay: Lô M, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu Tr, phường T, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/9/2017 ông Lê Trí Ch, sinh năm 1965 ở Lô L, phường Đ, thành phố H đến Cơ quan Công an trình báo về việc tại khu nhà vườn của ông tại Lô L, phường Đ bị kẻ trộm cạy phá lấy mất 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu MISUNINI màu xanh xám trị giá 15.000.000đ.

Ngày 21/11/2017 Lê Văn D đến Cơ quan điều tra Công an thành phố H đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của mình. D khai báo: Khoảng 03h ngày 24/9/2017 D điều khiển xe máy nhãn hiệu Sirsus BKS 36N4-8970 cùng Cao Văn H, sinh năm 1985 ở khu phố Ng, phường Tr, thành phố S đi lên thành phố H với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà ông Ch ở phường Đ, thành phố H, D và H phát hiện cửa cổng ngoài không khóa, không có người trông coi tài sản. Cả hai đi vào trong nhà, dùng tay giật mạnh phá cửa nhà và lấy 01 máy phát điện nhãn hiệu MISUNINI màu xanh 8KW khiêng ra xe đặt lên xe máy để đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến chợ đầu mối, phường H, thành phố H. D và H nhìn thấy có cửa hàng thu mua phế liệu “ĐT” nên đem máy phát điện vào bán cho anh Đỗ Doãn Đ với giá 7.000.000đ. Số tiền này D khai D và H chia nhau sử dụng cá nhân hết.

Đến ngày 21/11/2017, sau khi biết chiếc máy phát điện là tài sản trộm cắp, chị Nguyễn Phương Th (Vợ anh Đ) đã đến cơ quan điều tra giao nộp chiếc máy phát điện trên.

Ngày 10/10/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá chiếc máy phát điện trị giá 15.000.000đ.

Ngày 24/11/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản là chiếc máy phát điện cho ông Ch, ông Ch không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Đ yêu cầu các đối tượng đã bán tài sản cho anh phải bồi thường số tiền 7.000.000đ tiền anh mua máy.

Quá trình điều tra Lê Văn D còn khai nhận: Khoảng 03h ngày 27/9/2017 D tiếp tục cùng H đi xe máy BKS 36N4-8970 đi đến khu đô thị B, phường H, thành phố H để trộm cắp tài sản. Khi đi đến lô F28 là nhà kho của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực HN. D và H quan sát thấy cửa nhà khóa ngoài

(Dạng cửa xếp bằng sắt), không có người trông coi. Cả hai dùng chân đạp cửa làm chiếc cửa bị xô lệch, tạo thành một khe hổng. D và H chui vào trong nhà lấy các tài sản gồm: 01 máy hàn trần, 01 máy bơm hơi, 01 máy khoan bê tông, 01 máy khoan cầm tay, 01 máy cắt bàn, 01 máy đầm dùi cầm tay, 01 máy cắt cầm tay, 01 ắc quy Đồng Nai. Sau đó D và H tiếp tục đem bán cho anh Đ toàn bộ số tài sản trộm cắp trên lấy hơn 1.000.000đ chia nhau chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra anh Đ không thừa nhận đã mua số tài sản trên nên Cơ quan điều tra không thu hồi được vật chứng.

Ngày 04/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá số tài sản gồm: 01 máy hàn trần 160A giá: 3.000.000đ, 01 máy bơm hơi nhãn hiệu Lucky giá 800.000đ, 01 máy khoan bê tông FEG 800V giá 700.000đ, 01 máy khoan cầm tay hãng Bosch giá 800.000đ, 01 máy cắt bàn hãng Bosch giá 1.500.000đ, 01 máy đầm dùi cầm tay Yamatuji giá 1.500.000đ, 01 máy cắt cầm tay hãng Bosch giá 700.000đ, 01 ắc quy Đồng Nai 12V giá 1.900.000đ. Tổng giá trị là 10.900.000đ. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực HN yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị trộm cắp.

Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập Cao Văn H để làm việc nhưng hiện nay H không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau. Trong vụ án này, anh Đỗ Doãn Đ khai đã mua máy phát điện của D và H, ngoài ra không mua tài sản nào khác, khi mua chiếc máy phát điện anh Đ không biết đó là tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tại cáo trạng số 50/CT-VKS, ngày 30/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Lê Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm o,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Tuyên bố bị cáo Lê Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn D mức án tù 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Về vật chứng: Đề nghị Trả lại cho chị Nguyễn Thị M chiếc xe máy nhãn hiệu Sirsus màu đỏ đen, BKS 36N4-8970.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn D thừa nhận: Ngày 24/9/2017, Lê Văn D đi xe máy nhãn hiệu Sirsus BKS 36N4-8970 lén lút trộm cắp 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu MISUNINI trị giá 15.000.000đ của ông Lê Trí Ch và ngày 27/9/2017 trộm cắp 01 máy hàn trần, 01 máy bơm hơi, 01 máy khoan bê tông, 01 máy khoan cầm tay, 01 máy cắt bàn, 01 máy đầm dùi cầm tay, 01 máy cắt cầm tay, 01 ắc quy Đồng Nai tổng trị giá 10.900.000đ của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực HN.

Tổng giá trị tài sản mà D trộm cắp hai lần là 25.900.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Xét tính chất vụ án: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính, lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của người khác chỉ trong thời gian ngắn gây ra hai vụ trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhiều lần nhưng bị cáo không chịu tu sửa, vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo trộm cắp tài sản 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo hành vi phạm tội lần thứ nhất và tự thú về hành vi phạm tội lần thứ hai. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, với hành vi và nhân thân của bị cáo, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền.

[4] Về phần dân sự: Anh Đ yêu cầu các đối tượng đã bán tài sản cho anh phải bồi thường số tiền 7.000.000đ tiền anh mua máy. Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực HN yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị trộm cắp là 10.900.000đ .

Quá trình điều tra bị cáo khai Cao Văn H tham gia trộm cắp cùng bị cáo và được chia tiền bán tài sản. Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập Cao Văn H để làm việc nhưng hiện nay H không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau. Do chưa có căn cứ để xử lý Cao Văn H nên Lê Văn D phải bồi thường cho anh Đỗ Doãn Đ số tiền bán máy phát điện 7.000.000đ và bồi thường cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực Hà Nội các tài sản trộm cắp số tiền 10.900.000đ. Tại phiên tòa Lê Văn D tự nguyện nhận bồi thường toàn bộ số tiền này mà không yêu cầu Cao Văn H phải có trách nhiệm bồi thường. Vì vậy chấp nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Sirsus BKS 36N4-8970. Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông đường bộ chủ xe là Nguyễn Chi Ng. Chị Ng đã bán chiếc xe này cho chị Nguyễn Thị M (Vợ bị cáo D) có giấy tờ mua bán xe (Có xác nhận của chính quyền địa phương). Chị M khai đây là xe của chị, bị cáo D lấy xe đi vào ban đêm nên chị không biết. Chị có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, chị phải vay ngân hàng tiền để mua chiếc xe này làm phương tiện đi lại. Chị M đề nghị được nhận lại tài sản. Nghĩ nên trả lại cho chị M chiếc xe máy trên là phù hợp.

[6] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự đối với giá trị tài sản phải bồi thường theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; Điểm o,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Lê Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Lê Văn Dũng 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/11/2017.

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 5684; Điều 589 Bộ luật dân sự : Buộc Bị cáo Lê Văn D phải bồi thường cho anh Đỗ Doãn Đ số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) và bồi thường cho Công ty cổ phần tư vấn xây dựng hạ tầng và phát triển điện lực HN số tiền 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm ngàn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu phố Tr, phường S, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa một xe máy nhãn hiệu Sirsus màu đỏ đen, BKS 36N4-8970. Số khung RLCS5C6408Y61951; Số máy: 5C64-061951. Xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản giao nhận vật chứng số 78/THA ngày 31/01/ 2018 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H với Công an thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Bị cáo Lê Văn D phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 895.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Cục THA TP H;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh

